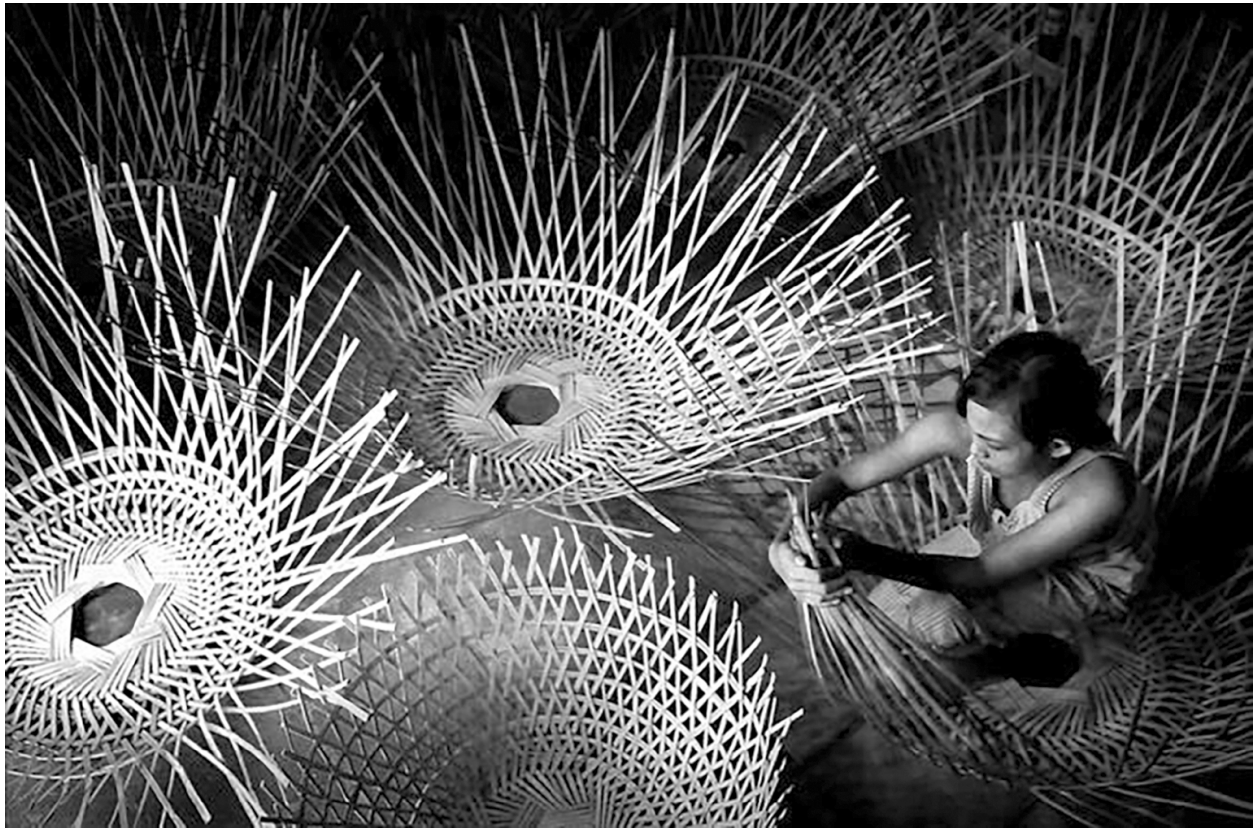




Thủ công nghiệp TRONG SỰ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐÔ THỊ

■ Hoàng Giang

Thủ công nghiệp xuất hiện sớm trong quá trình hình thành và phát triển của nhân loại. Từ những hình thức đầu tiên khi con người dùng tay tác động vào các vật tự nhiên như cành cây, hòn đá để tạo thành các công cụ sản xuất cũng là thời điểm ghi nhận sự hình thành thủ công nghiệp thô sơ. Trải qua quá trình phát triển, thủ công nghiệp không ngừng được cải tạo và trở thành các cơ sở, công đoạn mang tính chuyên môn hóa và không gian hóa. Thủ công nghiệp có sự tương tác với gần như tất cả các ngành nghề khác, len lỏi vào cơ chế kiến tạo và có giá trị đối với mọi mặt của đời sống. Nói cách khác, thủ công nghiệp đóng góp vai trò kiến tạo trong hầu hết các lĩnh vực của cuộc sống. Khi đạt đến một trình độ nhất định, thủ công nghiệp được chuyên môn hóa và tập trung hóa thành các làng nghề, phố nghề. Trong điều kiện thuận lợi nhất định, các làng nghề, phố nghề này phát triển và góp phần hình thành các đô thị trong lịch sử. Đặc biệt trong kiến tạo văn hóa ở các đô thị Việt Nam mà Thăng Long - Hà Nội là một ví dụ điển hình. Từ khoảng thế kỷ thứ VII trước công nguyên, thành Cổ Loa của nước Âu Lạc đã là một công xưởng đúc đồng. Nhiều kết quả khai quật khảo cổ cho thấy đây tập trung khá mạnh nghề đúc đồng, sản xuất các loại vũ khí và công cụ khác. Bên cạnh đó, ở Cổ Loa cũng đã có nghề gốm khá phát triển. Xuyên suốt sau đó, từ thời Thăng Long được chọn làm thủ đô thì qua các triều đại phong kiến đều hình thành một quá trình giao lưu làng nghề - phố nghề. Các nghề thủ công đã góp phần hình thành đô thị Thăng Long - Hà Nội và là một yếu tố quan trọng trong nền “văn hiến ngàn năm”.

Kiến tạo không gian văn hóa: từ làng nghề đến phố nghề

Lý giải về sự hình thành các đô thị ở Phương Đông, C. Mác đã nhấn mạnh về vai trò của thủ công nghiệp với tư cách là ngành công nghiệp trong xã hội truyền thống Phương Đông (xã hội chưa có nền công nghiệp) (C. Mác, 1976). Những lý giải của Mác chỉ mang tính nhận định về một mô hình phát triển của xã hội Phương Đông mà Mác gọi là phương thức sản xuất châu Á. Nhưng những quan điểm của Mác sau đó đã được nhiều nhà nghiên cứu ở châu Á và Việt Nam tiếp tục phát triển. Ở Việt Nam, đề lý giải thêm cho quan điểm của C. Mác, các nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh đến sự liên tục, thống nhất của nông thôn và thành thị trong nền kinh tế. Trong đó, các nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh đến vai trò cầu nối của thủ công nghiệp đối với quan hệ thành thị - nông thôn và xem đó là một yếu tố, tác nhân quan trọng trong sự hình thành đô thị (Phan Đại Doãn, 1983).

Trong khu vực đồng bằng sông Hồng, thủ công nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế dù sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước là ngành chủ yếu. Thủ công nghiệp đã hỗ trợ và kết hợp với nông nghiệp tạo thành một cấu trúc kinh tế vững mạnh hơn. (Nguyễn Văn Chính, 1989). Đặc biệt, khi nghiên cứu về lịch sử Thăng Long - Hà Nội, các nhà nghiên cứu đều chú trọng đến vai trò của thủ công nghiệp. Sự hình thành và phát triển của Thăng Long - Hà Nội luôn gắn liền với vùng phụ cận. Có thể phác thảo đơn giản: lúc đầu, các nghề thủ công xuất hiện ở các làng xã nông thôn. Dần dần, thợ thủ công chuyên môn hóa và đến một mức độ cao hình thành các làng nghề. Khi các làng nghề hình thành thì nhu cầu trao đổi hàng hóa với các làng khác lên cao hơn. Trao đổi chủ yếu là hàng thủ công lấy hàng nông nghiệp hay hàng thủ công lấy hàng thủ công khác. Trước hết, sự trao đổi này diễn ra ở các chợ làng, chợ phiên. Sau đó, tập trung vào các chợ lớn ở thành thị. Kẻ Chợ - Thăng Long là một chợ lớn và tập trung

được hầu hết các mặt hàng từ thủ công nghiệp đến nông nghiệp và nó trở thành nơi trao đổi hàng hóa thuận tiện nhất. Đặc biệt, đây là một thị trường lớn cho các mặt hàng thủ công nghiệp. Lúc đầu, các làng nghề chỉ thực hiện chức năng sản xuất, sau đó chính các thành viên trong gia đình đã mang các sản phẩm xuống Thăng Long để bán và mua các nguyên vật liệu cùng các nhu yếu phẩm trong sinh hoạt. Ngược lại, thấy việc trao đổi hàng hóa phát triển thì có một bộ phận đã tách ra làm nhiệm vụ mua và bán lại các sản phẩm thủ công nghiệp. Hình thành các khu trao đổi các mặt hàng thủ công. Đó là cơ sở hình thành các phố nghề.

Như vậy, thủ công nghiệp xuất phát từ xã hội nông thôn và giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế nông thôn, kinh tế làng xã (Phạm Văn Kính, 1977). Khi phát triển cao, thủ công nghiệp được chuyên môn hóa và hình thành các làng nghề. Khi các làng nghề phát triển, đẩy cao nhu cầu trao đổi hàng hóa và lượng hàng hóa lớn tràn xuống thành thị, hình thành một bộ phận trung gian mua bán sản phẩm thủ công nghiệp. Sự tập trung trao đổi các mặt hàng nhất định đã hình thành các phố nghề. Hầu hết các phố cổ ở Hà Nội đều xuất phát từ các phố nghề và luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với các làng nghề cùng sản xuất sản phẩm tương tự hoặc các sản phẩm bổ trợ sản xuất (Hoàng Đạo Thúy, 1974). Khi mới hình thành, các phố nghề chủ yếu phân phối, trao đổi sản phẩm, sau đó có thêm phân sản xuất. Đến thời điểm hiện tại, lại hình thành một hiện tượng ngược lại: trong quá trình đô thị hóa nông thôn, các làng nghề trở thành hạt nhân tạo thành

đô thị nhỏ với sự phát triển của du lịch làng nghề đã biến làng nghề thành trung tâm thương mại nhỏ như một phố nghề ở đô thị lớn như Bát Tràng (nghề gốm), La Khê (nghề dệt)...

Kiến tạo chủ thể văn hóa: từ nông dân đến thị dân

Nguồn gốc của các thị dân, chủ yếu là nông dân. Và ngoài giai cấp phong kiến, giai cấp lãnh đạo đất nước trong lịch sử cổ trung đại thì nhóm thợ thủ công nghiệp là cư dân ban đầu của các đô thị. Khi thương mại phát triển thì họ dần chiếm ưu thế so với lớp thợ thủ công. Cũng cần nhìn nhận rằng một phần lớn thương nhân có nguồn gốc từ thợ thủ công.

Trong thời kỳ phong kiến, cư dân Thăng Long - Hà Nội đã phân hóa thành một tầng lớp thị dân. Tuy nhiên, sự luân chuyển giữa nông dân và thị dân vẫn tiếp diễn liên tục. Thị dân ở Thăng Long, lúc đầu là các tầng lớp phong kiến, quan lại. Sau đó là sự tập trung thợ thủ công và thương nhân vào đô thị. Quá trình biến chuyển của thợ thủ công từ nông dân thành thị dân cũng gắn với quá trình hình thành và phát triển của làng nghề, phố nghề. Quá trình này diễn ra như

sau: Nguồn gốc của thợ thủ công là nông dân sản xuất nông nghiệp. Khi bước vào sản xuất thủ công, họ không bỏ hẳn nông nghiệp mà chủ yếu làm nhiều việc kết hợp với nhau. Đến một mức độ cao, khi chuyên môn hóa và tách thợ thủ công ra khỏi nông nghiệp, hình thành các làng nghề thì lúc đó, người nông dân chuyển thành thợ thủ công. Nhưng họ vẫn là nông dân, chưa phải là thị dân vì các làng nghề vẫn tồn tại và phát triển trong môi trường nông thôn. Khi trao đổi hàng hóa phát triển, các làng nghề và hàng hóa thủ công tuôn ra thành thị tạo cơ sở hình thành phố nghề thì dòng hành là nhiều thợ thủ công rời khỏi nông thôn ra sống ở thành thị. Số thợ này ra thành thị tiếp tục làm công việc của mình trong các phố nghề hoặc sẽ chuyển sang làm thương mại. Không chỉ lớp thợ thủ công, quá trình này cũng thu hút một số là nông dân không tham gia sản xuất thủ công nghiệp nhưng nhanh nhạy nên tham gia trao đổi sản phẩm và ra thành thị để buôn bán. Những thợ thủ công, nông dân nông nghiệp ra thành thị sinh sống và trở thành một nguồn



Phố cổ Hà Nội - nơi có nhiều lưu giữ nét văn hóa thủ công nghiệp

thị dân mới hình thành bên cạnh các quý tộc, quan lại phong kiến.

Quá trình hình thành thị dân qua các hoạt động thủ công nghiệp và thương nghiệp đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập ở nhiều góc độ khác nhau. Trong đó, chủ yếu họ phân tích trường hợp một số ngành qua quá trình hình thành, phát triển của ngành đó để chứng minh các chặng đường luân chuyển từ nông thôn ra thành thị, từ nông dân thành thị dân (xem thêm Lê Cự Lộc, 1975; Phạm Văn Kính, 1976).

Kiến tạo bản sắc văn hóa

Bản sắc văn hóa là một khái niệm quan trọng nhưng không dễ trình bày trong văn hóa học. Thế nào là bản sắc văn hóa? Rất nhiều nhà nghiên cứu đã cố lý giải về thuật ngữ/khái niệm này, có những người cố gắng định nghĩa nó một cách rõ ràng. Nhưng những việc làm này thật ra mang tính lý thuyết là chủ yếu, dù quan trọng ở góc độ tiếp cận nhưng khó cho việc vận dụng vào nghiên cứu cụ thể. Vậy, làm sao để hiểu bản sắc văn hóa? Hãy xem đó là những giá trị cốt lõi của một nền văn hóa hay như Phạm Đức Dương nói, đó là các hằng số của nền văn hóa (Phạm Đức Dương, 2002).

Đối với một dân tộc, thủ công nghiệp vừa là phương tiện thể hiện bản sắc văn hóa. Bản thân nó cũng tạo ra những bản sắc riêng trong nền văn hóa dân tộc. Vậy nên, nhiều khi nhắc đến một dân tộc, người ta thường nhắc đến các nét văn hóa qua các sản phẩm của thủ công nghiệp: Khi nói đến hoa văn Mường, người ta nghĩ đến cạp váy Mường (Trần Từ, 1978), hay khi nói đến hoa văn Thái, người ta lại nghĩ đến mặt chăn Thái (Hoàng Lương, 1988). Đó là những sản phẩm đặc trưng và thể hiện tiêu biểu cho một số mặt của văn hóa một dân tộc.

Thủ công nghiệp là một yếu tố góp phần vào quá trình kiến tạo không gian đô thị, chủ thể văn hóa đô thị, nghiêm nhiên, nó là yếu tố quan trọng trong quá trình kiến tạo bản sắc văn hóa đô thị. Với vai trò “ngành công nghiệp của xã hội tiền công

nghiệp”, thủ công nghiệp không chỉ ảnh hưởng mà còn hình thành các bản sắc văn hóa đô thị. Xem xét lại quá trình phát triển cũng như những bản sắc văn hóa Thăng Long - Hà Nội, chúng ta thấy có nhiều yếu tố thủ công nghiệp.

Trước hết, đó là nét văn hóa làng nghề, phố nghề. Dân gian thường nói, Hà Nội ba sáu phố phường để chỉ một không gian đô thị ngày trước của thủ đô. Trong đó phần lớn là các phố nghề. Trong khu phố cổ Hà Nội ngày nay, chúng ta cũng thấy những tên phố mang tên các ngành nghề, sản phẩm của thủ công nghiệp chiếm ưu thế hẳn. Điều này thể hiện sự kiến tạo không gian đô thị như đã phân tích ở trên của thủ công nghiệp rất quan trọng. Không những vậy, ở các khu phố này có những nét văn hóa riêng mang phong cách của thủ công nghiệp: quan hệ làng nghề. Các phố nghề này cũng như các làng nghề, vừa mang dáng dấp của một làng xã truyền thống Việt Nam, vừa mang một số nét khác của mối quan hệ đô thị. Ở đó, vẫn còn thờ Thành Hoàng (thường là Tổ Nghề), vẫn có các nghi lễ nông nghiệp xen kẽ, mặt khác, quan hệ cộng đồng vẫn khăng khít nhưng khá độc lập. Xem xét trên nhiều góc độ, Hà Nội ngày nay vẫn mang dáng dấp của một đô thị thủ công truyền thống.

Thăng Long - Hà Nội mang các nét văn hóa xã hội thủ công nghiệp. Quan hệ xã hội ở các phố nghề là một sự phát triển, một dạng quan hệ gần giống với quan hệ xã hội làng nghề thủ công. Các thành viên, các gia đình trong phố vẫn còn giữ mối quan hệ với nhau, không khăng khít như làng xã nông nghiệp nhưng cũng không độc lập như một phố công nghiệp hay

thương mại phát triển, người ta vẫn lưu giữ các quan hệ truyền thống. Điều thể hiện rõ nhất là các tổ chức hội phường nghề nghiệp vẫn được duy trì. Các tổ chức hội phường nghề nghiệp này có nhiều nét khác với các tổ chức xã hội của làng nông nghiệp nhưng bản chất xã hội dân sự của các tổ chức này vẫn được lưu giữ và kế tục.

Các làng nghề, phố nghề tạo nên những nét đặc sắc trong văn hóa Thăng Long - Hà Nội. Thật khó hình dung về một Hà Nội nếu bỏ các làng nghề, phố nghề ra ngoài cấu trúc đó. Các làng nghề là một thực thể, một không gian văn hóa của Hà Nội. Mỗi khi Thăng Long - Hà Nội có biến đổi thì các làng nghề, phố nghề này cũng có biến đổi và ngược lại, chính các làng nghề, phố nghề cũng tạo ra sự biến đổi trong văn hóa Hà Nội. Đến nay, các làng nghề, phố nghề vẫn giữ một vai trò quan trọng trong kiến tạo văn hóa Hà Nội (Lâm Bá Nam, 1989, 1990, 1991, 1992). Hay nói cách khác, thủ công nghiệp đã tạo ra nhiều giá trị quan trọng trong sự hình thành và phát triển văn hóa hay là các di sản thủ công nghiệp (Văn Tạo, 1990). Khi công nghiệp phát triển mạnh thì Hà Nội vẫn không thể không đặt vấn đề phát triển thủ công nghiệp. Các làng nghề vẫn là một yếu tố quan trọng trong quy hoạch phát triển toàn diện thủ đô.

Tóm lại, thủ công nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong quá trình kiến tạo văn hóa đô thị mà Thăng Long - Hà Nội là một ví dụ điển hình. Thủ công nghiệp góp phần kiến tạo không gian văn hóa, chủ thể văn hóa và bản sắc văn hóa đô thị. Tuy nhiên, những biểu hiện của thủ công nghiệp trong nền văn hóa theo các thời kỳ lịch sử có sự khác nhau, có lúc nổi trội và có lúc trầm lắng.

Trong xã hội công nghiệp phát triển, thủ công nghiệp đang đứng trước những nguy cơ suy giảm. Nhiều ngành thủ công nghiệp đang có nguy cơ bị diệt vong do nhiều yếu tố ảnh hưởng mà quan trọng là chính sách hỗ trợ, thị trường đầu ra sản phẩm để đảm bảo cuộc sống cho người sản xuất. Điều đó đòi hỏi

nhà nước phải có chính sách phát triển thủ công nghiệp hợp lý để không chỉ giữ gìn và phát triển một ngành kinh tế mà còn là một nét văn hóa của dân tộc. Hãy lấy Hà Nội giải quyết vấn đề này để soi rọi cho cả cái làm được và cái bắt cập của cả nước./.

Tài liệu tham khảo:

1. Phan Gia Bền (1957), *Sơ thảo lịch sử phát triển của thủ công nghiệp Việt Nam*, Ban Văn - Sử - Địa, Hà Nội.
2. C.Mác (1976), *Những hình thức có trước sản xuất tư bản*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Chính (1989), *Nghề thủ công trong cơ cấu kinh tế đồng bằng sông Hồng*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6-1989.
4. Phan Đại Doãn (1983), *Làng quê - thành thị - một thể thống nhất về kinh tế xã hội (lý giải quan điểm của Mác về thành thị châu Á)*, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
5. Phạm Đức Dương (2002), *Từ văn hóa đến văn hóa học*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Phạm Văn Kính (1977), *Thủ công nghiệp và làng xã Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. Phạm Văn Kính (1976), *Một số nghề thủ công thế kỷ X-XI*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3-1976.
8. Lê Cự Lộc (1975), *Nghề tầm tang thời phong kiến ở nước ta*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 88-1975.
9. Hoàng Lương (1988), *Hoa văn Thái*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
10. Lâm Bá Nam (1989), *Mấy ý kiến về nghề thủ công cổ truyền nước ta*, Tạp chí Dân tộc học, số 1-1988.
11. Lâm Bá Nam (1990), *Nghề dệt cổ truyền làng lụa Vạn Phúc*, Tạp chí Dân tộc học, số 1-1990.
12. Lâm Bá Nam (1991), *Nghề dệt cổ truyền ở Hà Đông (Hà Sơn Bình)*, Tạp chí Dân tộc học, số 1-1991.
13. Trần Từ (1978), *Hoa văn Mường*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
14. Văn Tạo, *Về di sản văn hóa thủ công nghiệp*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 3-1990.
15. Hoàng Đạo Thúy (1974), *Phố phường Hà Nội xưa*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội.